TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU ĐỨC** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 28/2017/QĐST-DS	*Châu Đức, ngày 06 tháng 9 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ

Căn cứ vào các điều 48, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm;

Xét thấy: Nguyên đơn bà Lê Thị T (tên gọi khác T1) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn A và bà Nguyễn Thị L rút đơn yêu cầu độc lập và được Tòa án chấp nhận theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số: 85/2009/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2009 về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T (tên gọi khác T1), sinh năm 1976.

Địa chỉ khi nộp đơn khởi kiện: Ấp N, xã X, huyện X, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Tạm trú: Tổ 7, thôn 4, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Hộ khẩu thường trú, nơi cư trú hiện nay: Tổ 1, thôn 1, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Thổ L, sinh năm: 1964 và bà Thị B, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: Tổ 2, thôn 1, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn A, sinh năm 1954;

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1952;

Cùng địa chỉ: Tổ 40, thôn V, xã N, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L là: Ông Nguyễn A, sinh năm 1954; địa chỉ: Tổ 40, thôn V, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1954;

4. Bà Phan Thị H, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: Tổ 7, thôn 4, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị H là ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1954; địa chỉ: Tổ 7, thôn 4, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án: Theo quy định tại Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự.

Về án phí: Số tiền tạm ứng án phí 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) bà Lê Thị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 005420 ngày 17 tháng 7 năm 2006 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức được sung vào công quỹ nhà nước;

Hoàn trả cho ông Nguyễn A và bà Nguyễn Thị L số tiền 1.750.000đ (một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) là tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông A đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 005536 ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức;

Hoàn trả cho ông Nguyễn A và bà Nguyễn Thị L số tiền 100.000đ (một trăm ngàn đồng) là tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà ông A, bà L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 006023 ngày 17 tháng 4 năm 2009 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức;

Hoàn trả cho ông Thổ L và bà Thị B số tiền 100.000đ (một trăm ngàn đồng) là tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà ông L, bà B đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 006022 ngày 17 tháng 4 năm 2009 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức;

Về chi phí tố tụng khác: Số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) bà Lê Thị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản đề ngày 20-02-2008 và ngày 12-02-2009 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức và số tiền 2.285.181đ (Hai triệu hai trăm tám mươi lăm ngàn một trăm mười tám đồng) bà Lê Thị T đã nộp chi phí đo vẽ hiện trạng sử dụng đất theo hóa đơn giá trị gia tăng ngày 08-8-2006 của Công ty xây dựng đo đạc địa cầu và hóa đơn giá trị gia tăng đề ngày 05-10-2007 của Trung tâm KT Tài nguyên và Môi Trường đã chi phí hết.

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSNDH.Châu Đức;
- THA DS H.Châu Đức;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Văn Dản